TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 22 - 8 - 2022
V/v: Tranh chấp về tài sản
chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2023/TLPT-DS ngày 17/7/2023 về việc "Tranh chấp về tài sản chung sau ly hôn"

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 260/2023/HNGĐ – ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 173/2023/QĐXX-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: Số 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Số 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đức T: Bà Lê Thị Hương G, sinh năm 1967

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số 172B Giải Phóng, phường Trường Thi, thành

phố NĐ, tỉnh NĐ.

Địa chỉ cư trú: Số 195 đường Hoàng Văn Thụ, phường ND, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 29-10-2022).

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: Số 363 đường Giải Phóng, phường Trường Thi, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

2. Anh Trần Công N, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Xóm Trại, xã Lộc An, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

3. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1952

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

4. Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

5. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

6. Cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 05-01-2008

Địa chỉ cư trú: Số 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ

Người đại diện theo pháp luật của cháu Linh:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (mẹ đẻ cháu Linh)

Địa chỉ cư trú: Số 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

7. Cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 13-02-2006

Địa chỉ cư trú: Số 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ngọc:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (mẹ đẻ cháu Ngọc)

Địa chỉ cư trú: Số 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

5. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đức T là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh Tiến, bà Giang, cháu Linh, cháu Ngọc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 06-10-2022, bản tự khai ngày 13-10-2022, biên bản lấy lời khai ngày 14, 15-12-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức T ly hôn năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố NĐ (Bản án số 264/2022/HNGĐ-ST ngày 11-8-2022). Tại thời điểm giải quyết vụ án chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên sau khi ly hôn chị và anh Tiến không thỏa thuận được về việc giải quyết tài sản chung nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống chị và anh Tiến tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà 03 tầng trên thửa đất số 121, tờ bản đồ 4.4, địa chỉ thửa đất Khu tái định cư Phạm Ngũ Lão, phường MX, thành phố NĐ (nay là số 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ). Thửa đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh NĐ cấp số CL 383314 ngày 18-6-2018 đứng tên Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị T. Nguồn gốc nhà đất này là do chị và anh Tiến mua của chị Ninh Thị Hà vào năm 2018 với giá là 750.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền 750.000.000 đồng anh chị lấy từ tiền bán nhà đất tại địa chỉ 54 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố NĐ. Nay chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung của chị và anh Tiến là nhà đất trên theo quy định của pháp luật.

Chị không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Đức T đề nghị Tòa án chia tài sản chung là số tiền 840.000.000 đồng vì hiện tại chị không giữ số tiền nào. Vào tháng 8-10 năm 2021 chị đã đưa toàn bộ số tiền còn lại của vợ chồng cho anh Tiến có sự chứng kiến của hai con chung.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Tiến không có nghĩa vụ chung về tài sản.

* Tại bản tự khai ngày 19-10-2022 bị đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh đã kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 2006, trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn và đã giải quyết ly hôn ngày 11-8-2022. Anh có căn nhà 54 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố NĐ, tỉnh NĐ và đã bán đi với số tiền 1.500.000.000 đồng sau đó mua căn nhà 11/2 Nguyễn Hới với số tiền 750.000.000 đồng, số tiền còn thừa lại chị T đang giữ. Quan điểm của anh muốn bán nhà đất theo giá thị trường, nếu không được anh muốn sở hữu, sử dụng nhà đất và thanh toán cho chị T ½ giá trị chênh lệch tài sản.

* Tại bản tự khai ngày 03-11-2022, 09-11-2022, biên bản lấy lời khai ngày 05-12-2022, ngày 03-3-2023, đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình tham giá tố

tụng, người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đức T là bà Lê Thị Hương G trình bày:

- Về nhà đất tại địa chỉ 11/2 Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ: Năm 2004 anh Tiến và chị T tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng đến tháng 4-2006 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngô Quyền thành phố NĐ. Tháng 4-2005 anh Tiến và chị T mua nhà đất tại 54 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố NĐ với giá 550.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền mua nhà là từ tiền bán xe ô tô của anh Tiến được 430.000.000 đồng và tiền còn lại của anh Tiến sau khi đi Nhật về. Năm 2018 anh Tiến và chị T bán nhà 54 Ngô Quyền được 1.500.000.000 đồng, đã sử dụng 750.000.000 đồng để mua nhà đất tại 11/2 Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ. Thửa đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh NĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 383314 ngày 18-6-2018 đứng tên Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị T. Số tiền còn lại sau khi mua nhà anh chị đã trả nợ ngân hàng 400.000.000 đồng còn thừa 350.000.000 đồng chị T giữ. Quan điểm của bà Giang đề nghị Tòa án chia nhà đất trên theo tỉ lệ anh Tiến được hưởng 70% giá trị nhà đất, chị T được hưởng 30% giá trị nhà đất. Anh Tiến có nguyện vọng sở hữu sử dụng thửa đất trên và thanh toán cho chị T chênh lệch giá trị tài sản.

- Tại đơn phản tố ngày 11-9-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Giang trình bày: Bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của anh Tiến chị T là số tiền 840.000.000 đồng hiện nay chị T đang giữ. Cụ thể:

- Số tiền 160.000.000 đồng là tiền anh Tiến bán xe ô tô Cowty 29, biển số 18N-4495 vào năm 2011. Anh Tiến đưa cho chị T giữ nhưng chị T đã đưa cho bác Long mang về cho mẹ chị T vay.

- Số tiền 150.000.000 đồng là tiền vay ngân hàng nông nghiệp vào năm 2016 mục đích để mua xe ô tô nhưng chị T đã tự ý đưa cho em trai là Hà mang về cho mẹ chị T ở Thái Bình vay mà không có sự đồng ý của anh Tiến.

- Số tiền 30.000.000 đồng là tiền hoa hồng bán nhà đất với chị Giang năm 2012.

- Số tiền 50.000.000 đồng và 30.000.000 đồng là tiền lãi anh Tiến buôn đồ điện cùng anh Nghĩa vào tháng 6-2020.

- Số tiền 15.000.000 đồng anh Hòa chuyển khoản vào tài khoản của chị T ngày 18-4-2022.

- Số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi buôn đất với anh Hòa. Anh Tiến đưa tiền cho chị T có anh Hòa chứng kiến vào ngày 30-4-2022.

- Số tiền 350.000.000 đồng là tiền thừa từ việc bán nhà từ bán nhà đất 54 Ngô Quyền.

Nguồn gốc số tiền này chủ yếu là thu nhập của anh Tiến đi làm đưa về cho chị T giữ. Bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh chị T hiện đang giữ số tiền 840.000.000 đồng trên. Tuy nhiên bà khẳng định về nguyên tắc số tiền anh Tiến đưa cho chị T là những khoản lớn nên phải còn vì hàng ngày chi tiêu sinh hoạt là tiền lương của anh Tiến đưa về. Bà đề nghị chia cho anh Tiến 70 %, chia cho chị T 30% số tiền. Anh Tiến chị T không có nghĩa vụ chung về tài sản.

* Lời khai của những người làm chứng:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-3-2023 có sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị T và chị bà Lê Thị Hương G cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 05-01-2008 và cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 13-02-2006 (con chung của anh Tiến và chị T) trình bày hai cháu có chứng kiến việc chị T đưa cho anh Tiến số tiền 400.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-02-2023 ông Nguyễn Đức L trình bày: Ông là bác của chị T. Khoảng năm 2016 mẹ chị T là bà Nguyễn Thị C nhờ ông cầm hộ 400.000.000 đồng sang số nhà 54 Ngô Quyền thành phố NĐ đưa cho chị T anh Tiến để đáo hạn ngân hàng. Tại nhà anh chị ông chỉ gặp anh Tiến, chị T và con của anh chị, ngoài ra không gặp ai khác. Ông không biết anh Nguyễn Văn C là ai, không gặp anh Chiến bao giờ. Việc anh Nguyễn Văn C trình bày gặp ông ở nhà anh Tiến chị T là không đúng. Ông cam kết không nhận tiền hộ mẹ chị T với số tiền 160.000.000 đồng như anh Chiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-02-2023 bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị T. Khoảng năm 2016 chị T gọi điện nói với bà cho vợ chồng chị vay 400.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và hứa là sau khi đáo hạn ngân hàng làm thủ tục vay tiền tiếp thì sẽ trả cho bà. Bà đã nhờ anh trai bà là ông Nguyễn Đức L sang thành phố NĐ đưa cho anh Tiến chị T. Một thời gian sau khi làm thủ tục vay ngân hàng tiếp thì chị T gọi điện cho bà sang lấy tiền. Bà đã bảo con trai là Nguyễn Mạnh H sang nhà chị T cầm tiền về. Việc anh Tiến trình bày bà vay tiền chị T anh Tiến là không đúng vì nhà bà buôn bán kinh doanh đồ điện lớn không phải vay tiền của các con mà chỉ có cho các con trong đó cho anh Tiến chị T là nhiều nhất vì anh chị khó khăn hơn các con khác. Bà khẳng định giữa bà và vợ chồng anh Tiến không có việc vay mượn tiền.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-3-2023 anh Trần Công N trình bày: Anh và anh Nguyễn Đức T là bạn bè có quan hệ làm ăn buôn loa đài với nhau. Năm 2020 và năm 2021 anh buôn bán loa đài do cần thêm vốn trong thời hạn ngắn nên anh huy động thêm vốn của anh Tiến để buôn bán. Anh Tiến đã góp vốn với anh 200.000.000 đồng vào khoảng hè năm 2020. Khoảng 15 ngày sau anh bán được hết lô loa đài nhập về và đã trả tiền gốc luôn cho anh Tiến, về lãi thì anh trả cho anh Tiến 47.000.000 đồng. Khoản này anh Tiến đến nhà anh lấy (không có chị T), sau

đó còn 3.000.000 đồng anh đến nhà anh Tiến chơi và đã giao cho anh Tiến, lúc đó chị T có ở nhà. Đối với tiền gốc 200.000.000 đồng thì anh Tiến cũng đến nhà anh lấy. Vào khoảng tháng 8 đến tháng 10 của năm 2021 anh Tiến cũng góp với anh số tiền 200.000.000 đồng để buôn 1 chuyến loa đài, sau khoảng 1 tháng thì anh bán hết và đã trả cả gốc và lãi 30.000.000 đồng cho anh Tiến. Số tiền gốc và lãi này anh Tiến đến nhà anh giao tiền và nhận tiền lãi. Việc giao nhận số tiền 200.000.000 đồng và lãi hai lần giữa anh và anh Tiến chỉ nói miệng với nhau không làm văn bản giao nhận, không có ai chứng kiến. Sau khi giao tiền cho anh Tiến thì anh Tiến có đưa tiền cho chị T hay không thì anh không biết, không chứng kiến. Về nguồn gốc số tiền 200.000.000 đồng anh Tiến góp vốn với anh thì anh chỉ biết là do rút tiền tiết kiệm ra, cụ thể như nào anh không rõ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-02-2023 anh Trần Mạnh Hà là em ruột của chị T trình bày: Năm 2016 anh có sang nhà anh Tiến chị T để cầm số tiền 400.000.000 đồng mà mẹ anh cho anh Tiến, chị T vay để đáo hạn ngân hàng về trả cho mẹ anh. Anh chỉ gặp anh Tiến, chị T mà không gặp anh Nguyễn Văn C ở đó. Việc anh Nguyễn Văn C trình bày năm 2016 anh Chiến đến nhà anh Tiến chị T chơi gặp anh ở đó, anh cầm về thùng các tông đựng đồ và túi ni lông bọc số tiền 150.000.000 đồng là không đúng

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-02-2023 ông Nguyễn Văn C là chồng của chị Giang trình bày: Năm 2011 khi anh đến nhà anh Tiến chị T chơi ở địa chỉ 54 Ngô Quyền thì anh có chứng kiến việc bác chị T tên là Long đến nhà anh Tiến chơi, trên mặt bàn nhà anh Tiến có để cọc tiền, anh nghe anh T chị Tiến nói là đưa cho bác Long mượn. Anh hỏi thì anh Tiến chị T nói số tiền là 160.000.000 đồng. Anh thấy anh Tiến và chị T có việc riêng nên anh đã đứng dậy đến nhà anh trai anh ở gần đó chơi mà không chứng kiến việc bác Long đã nhận tiền hay chưa. Đối với nguồn gốc số tiền này anh không biết nhưng theo anh là số tiền còn dư do anh Tiến bán xe ô tô 45 chỗ biển số 18A - 9916. Vào năm 2016 trong một lần anh đến chơi nhà anh Tiến nhìn thấy em trai chị T tên là Hà đến chơi, chị T đóng trong túi nilong số tiền 150.000.000 đồng và một ít quà đóng trong thùng các tông đưa cho em mang về. Anh biết số tiền này vì anh có hỏi chị T. Nguồn gốc số tiền này anh không biết nhưng theo anh nghĩ đó là tiền bán xe ô tô 29 chỗ còn thừa tiền. Cả hai lần này anh hỏi thì chị T nói là cho mẹ mượn để đảo vốn. Việc mẹ chị T có trả tiền hay chưa thì anh không biết. Trước khi lấy chị T anh Tiến đi lao động ở nước ngoài có gửi cho mẹ anh 05 chỉ vàng, loại vàng gì anh không biết. Đầu năm 2022 anh có nói chuyện với mẹ anh về việc hoàn trả lại tiền cho anh Tiến. Mẹ anh nhất trí nên trả cho anh Tiến số vàng này. Vài ngày sau anh có nghe anh Tiến nói chuyện lại là anh Tiến đã đưa vàng cho chị T, chị T đã bán được 26.000.000 đồng và chị T giữ luôn.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 22-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ tại Ủy ban nhân dân phường Ngô Quyền đã xác định: Vợ chồng anh

Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T trước kia sinh sống tại số nhà 54 đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định. Vào khoảng năm 2016, tổ dân phố và hàng xóm biết việc anh Tiến và chị T có sửa chữa căn nhà số 54 Ngô Quyền. Tuy nhiên nguồn tiền sửa chữa, các hạng mục sửa chữa và chi phí sửa chữa thì chính quyền và hàng xóm không biết.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 20-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ tại Ủy ban nhân dân phường MX đã xác định: Nguồn gốc thửa đất số 121, tờ bản đồ 4.4, địa chỉ thửa đất Khu tái định cư Phạm Ngũ Lão, phường MX, thành phố NĐ là đất tái định cư do Ban quản lý đầu tư và xây dựng thành phố NĐ tổ chức giao đất cho các hộ nằm trong diện giải phóng mặt bằng của các dự án khác. Thửa đất trên đã được chuyển nhượng qua nhiều chủ. Đến năm 2016 thửa đất đứng tên bà Ninh Thị Hà. Ngày 13-4-2018 bà Hà đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị T. Anh Tiến, chị T sử dụng ổn định từ thời gian nhận chuyển nhượng đến nay.

* Tại biên bản xem xét thẩm định và biên bản định giá tài sản ngày 30-12-2022 Hội đồng định giá tài sản xác định:

Thửa đất số 12.1 tờ bản đồ số 4.4 tại địa chỉ khu tái định cư Phạm Ngũ Lão, xã MX (nay là 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX) thành phố NĐ, tỉnh NĐ có diện tích 41,4m^2, Phía Bắc giáp ngõ 2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ; Phía Nam giáp thửa đất số 108 tờ bản đồ số 4.4; Phía Đông giáp thửa 122 tờ bản đồ số 4.4; Phía Tây giáp thửa 120 tờ bản đồ số 4.4 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh NĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL383314 ngày 18-6-2018 đứng tên anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T.

- Trị giá quyền sử dụng đất là 41,4m^2 x 13.000.000 đồng/ m^2 = 538.200.000 đồng.

- Trị giá tài sản trên đất: Nhà 3 tầng bê tông cốt thép.

Tầng 1 có diện tích là 36,56m^2 giá trị sử dụng còn lại là 70%, đơn giá xây dựng là 5.016.000 đồng/m^2. Trị giá là: 36,56m^2 x 5.016.000 đồng/ m^2 x 70% = 128.369.000 đồng.

Tầng 2 có diện tích là 38,56m^2 giá trị sử dụng còn lại là 70%, đơn giá xây dựng là 5.016.000 đồng/m^2. Trị giá là: 38,56m^2 x 5.016.000 đồng/ m^2 x 70% = 135.392.000 đồng.

Tầng 3 có diện tích là 28,16m^2 giá trị sử dụng còn lại là 70%, đơn giá xây dựng là 4.686.000 đồng/m^2. Trị giá là: 28,16m^2 x 4.686.000 đồng/ m^2 x 70% = 92.370.000 đồng.

Lán không tường, mái lợp tôn cột kèo sắt có diện tích 10,4m^2, giá trị sử dụng còn lại là 70%, đơn giá xây dựng là 426.000 đồng/m^2. Trị giá là: 10,4m^2 x 426.000 đồng x 70% = 3.101.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất là 128.369.000 đồng + 135.392.000 đồng + 92.370.000 đồng + 3.101.000 đồng = 359.232.000 đồng

- Như vậy, tổng giá trị quyền sử dụng đất và công trình trên thửa đất là 359.232.000 đồng + 538.200.000 đồng = 897.432.000 đồng (Tám trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

* Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 260/2023/HNGĐ – ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ quyết định:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 34; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 147; Điều 229; Điều 244, điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Chia cho chị Nguyễn Thị T quyền sử dụng 41,4m^2 đất và quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất là 01 căn nhà 03 tầng, 01 lán không tường mái lợp tôn trên thửa đất số 121 tờ bản đồ số 4.4 tại địa chỉ khu tái định cư Phạm Ngũ Lão, xã MX (nay là số 11/2 Nguyễn Hới, phường MX), thành phố NĐ, tỉnh NĐ, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh NĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL383314 ngày 18-6-2018 đứng tên chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức T có trị giá là 897.432.000 đồng (Tám trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). Thửa đất có vị trí giáp ranh như sau: Phía Bắc giáp ngõ 2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ; Phía Nam giáp thửa đất số 108 tờ bản đồ số 4.4; Phía Đông giáp thửa 122 tờ bản đồ số 4.4; Phía Tây giáp thửa 120 tờ bản đồ số 4.4.

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Đức T số tiền là 538.459.200 đồng (Năm trăm ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Đức T về việc chia tài sản chung là số tiền 685.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Đức T đối với yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.948.640 đồng (Mười bảy triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.375.000 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005525 ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Chị T còn phải nộp 8.573.640 đồng (Tám triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Anh Nguyễn Đức T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 56.938.368 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm ba mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.450.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) anh đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005650 ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Anh Tiến còn phải nộp 46.488.368 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng).

* Ngày 21/6/2023 anh Nguyễn Đức T kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh Tiến cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện gây thiệt hại đến quyền lợi của anh. Cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm định giá nhà đất tại 11/2 Nguyễn Hới thiếu căn cứ, định giá nhà đất thấp hơn nhiều so với thực tế; xác định công sức đóng góp vào tài sản chung là nhà đất thiếu khách quan dẫn đến phân chia tài sản không đúng; không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh về việc phân chia số tiền thừa từ việc bán nhà 54 Ngô Quyền là 350.000.000đ. Anh Tiến đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

* Tại phiên toà các đương sự vẫn giữ nguyên lời khai, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

Anh Nguyễn Đức T xin rút một phần kháng cáo, anh chỉ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giao cho anh được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà đất tại 11/2 Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ và trả cho chị T 50% giá trị tài sản. Các yêu cầu kháng cáo còn lại anh xin rút, không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tiến, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 260/2023/HNGĐ – ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ

- Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về việc chia tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ 11/2 Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

Tháng 11-2005, anh Tiến và chị T đã mua nhà đất tại số 54 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố NĐ với giá 550.000.000 đồng và được UBND thành phố NĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23-11-2005 đứng tên anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T. Về nguồn gốc số tiền mua căn nhà trên thì theo lời khai của anh chị sự thì anh Tiến có đóng góp nhiều hơn.

Năm 2018, anh Tiến và chị T đã bán căn nhà số 54 Ngô Quyền với giá 1.500.000.000 đồng và sử dụng 750.000.000 đồng để mua căn nhà số 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ. Nhà đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh NĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 383314 ngày 18-6-2018 đứng tên Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị T. Ngày 11-8-2022 chị T và anh Tiến ly hôn theo Bản án số

264/2022/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố NĐ nhưng chưa phân chia tài sản chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân.

Do nhà đất tại địa chỉ 11/2 Nguyễn Hới được mua hoàn toàn bằng tiền bán căn nhà số 54 Ngô Quyền nên cần xác định anh Tiến có công sức đóng góp nhiều hơn vào khối tài sản chung. Toà án cấp sơ thẩm chia cho anh Nguyễn Đức T 60% giá trị tài sản, chị Nguyễn Thị T 40% giá trị tài sản là phù hợp.

Chị T và anh Tiến đều có nguyện vọng được sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất và thanh toán giá trị nhà đất cho bên còn lại. Xét thấy, nguyện vọng sở hữu sử dụng nhà đất của chị T và anh Tiến đều chính đáng bởi ngoài chỗ ở tại địa chỉ 11/2 đường Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ thì anh chị không còn chỗ ở nào khác. Tuy nhiên nhà đất có diện tích 41,4 m^2 nên không đủ điều kiện chia tách, vì vậy cần giao nhà đất cho một bên và thanh toán giá trị cho bên kia.

Xét điều kiện thực tế hiện nay, chị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nên cần đảm bảo duy trì, ổn định cuộc sống và quyền lợi về mọi mặt của các con chung theo quy định tại khoản 5 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Vì vậy Toà án cấp sơ thẩm chia cho chị Nguyễn Thị T quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ nhà đất và thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản cho anh Tiến là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về việc định giá nhà đất tại 11/2 Nguyễn Hới; xác định công sức đóng góp vào tài sản chung là nhà đất; yêu cầu phản tố về việc phân chia số tiền thừa từ việc bán nhà 54 Ngô Quyền là 350.000.000đ. Tại phiên tòa anh Tiến đã rút những yêu cầu kháng cáo này, xét việc rút kháng cáo của anh Tiến là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này.

[2.3] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật, tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 289, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức T về việc định giá nhà đất tại 11/2 Nguyễn Hới; xác định công sức đóng góp vào tài sản chung là nhà đất; yêu cầu phản tố về việc phân chia số tiền thừa từ việc bán nhà 54 Ngô Quyền là 350.000.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức T về việc giao cho anh được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà đất tại 11/2 Nguyễn Hới, phường MX, thành phố NĐ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 260/2023/HNGĐ - ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000đ, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000171 ngày 22/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố NĐ. Anh Tiến đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh NĐ;
- TAND thành phố NĐ;
- Chi cục THADS thành phố NĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng